| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BA TRI**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 01 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Tâm.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị Dung.
Bà Võ Thị Hiền.

***- T ký phiên tòa:*** Ông Đặng Hoàng Long – T ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thy Trúc P - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 460/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Anh T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: số 156/TB, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm 1986.
Địa chỉ: số 02 P, khu phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh B.

Nguyên đơn bà Lê Anh T và bị đơn ông Trần Thanh P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lê Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh P chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 30/9/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh B. Thời gian đầu bà và ông P chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn, ông P nhiều lần bạo lực gia đình gây ảnh hưởng đến tâm lý của bà, mặt khác ông P không lo tu chí làm ăn. Bà và ông P ly thân đến nay khoảng 05 năm, không sống chung lại với nhau ngày nào. Nay bà nhận thấy hôn nhân giữa bà và ông P không thể

nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông Trần Thanh P có 02 con chung tên Trần Tiểu P sinh ngày 11/7/2010 và Trần Quốc B, sinh ngày 07/5/2016, hiện các con chung đang sống với bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Thanh P trình bày:

Về hôn nhân: Trước yêu cầu ly hôn của bà Lê Anh T đối với ông thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông đồng ý giao 02 con chung là các cháu Trần Tiểu P sinh ngày 11/7/2010 và Trần Quốc B, sinh ngày 07/5/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và cho đến trước phiên tòa hôm nay Thẩm phán thực hiện đúng các bước theo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Anh T đối với bị đơn ông Trần Thanh P. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông P. Ghi nhận bà T và ông Tuấn có 02 con chung tên Trần Tiểu P sinh ngày 11/7/2010 và Trần Quốc B, sinh ngày 07/5/2016 hiện các con chung đang được bà T trực tiếp chăm sóc. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà T đối với ông P, giao các cháu Trần Tiểu P và Trần Quốc B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông P cho rằng không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ba Tri căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Trần Thanh P đang chấp hành án tại Trại giam Phước Hòa – Bộ Công an nên không thể tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; Về phía bà Lê Anh T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Thanh P và bà Lê Anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Trần Thanh P và bà Lê Anh T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 30/9/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T thì bà và ông P chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn, ông P nhiều lần bạo lực gia đình gây ảnh hưởng đến tâm lý của bà, mặt khác ông P không lo tu chí làm ăn. Bà và ông P ly thân đến nay khoảng 05 năm, không sống chung lại với nhau ngày nào. Về phía ông P thì trước yêu cầu của ly hôn của bà T thì ông cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, giữa P và bà T có thời gian ly thân đã lâu, trong thời gian này giữa ông P và bà T không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Mặt khác trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông P cũng đồng ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở Tơng yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng ông P và bà T không đảm B nguyên tắc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông P.

Về con chung: Ông Trần Thanh P và bà Lê Anh T có 02 con chung tên Trần Tiểu P sinh ngày 11/7/2010 và Trần Quốc B, sinh ngày 07/5/2016, hiện các con chung đang sống với bà T. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía ông P đồng ý giao các con chung cho bà T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con chung. Xét thấy, hiện cháu P và cháu B đang sống chung với bà T và đang được bà T chăm sóc tốt, mặt khác đối với cháu P và cháu B có nguyện vọng được sống chung với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy do ông P cũng đồng ý với nguyện vọng của các con chung, do đó Toà án chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà T, ghi nhận bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Thanh P và bà Lê Anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tại phiên tòa về vấn đề tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là phù hợp. Về nội dung giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Lê Anh T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" của bà Lê Anh T đối với ông Trần Thanh P.

Bà Lê Anh T được ly hôn với ông Trần Thanh P.

[3] Về con chung: Ghi nhận ông Trần Thanh P và bà Lê Anh T có 02 con chung tên Trần Tiểu P sinh ngày 11/7/2010 và Trần Quốc B, sinh ngày 07/5/2016. Chấp nhận

yêu cầu nuôi con chung của bà T đối với ông P. Giao cháu Trần Tiểu P và Trần Quốc B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Anh T và ông Trần Thanh P không có.

[5] Về án phí: Bà Lê Anh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số: 0000110 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[6] Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn B;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Tâm**